

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG

PHÉP BIỆN CHỨNG SIÊU NGHIỆM TRONG
“PHÊ PHÁN LÝ TÍNH THUẦN TÚY CỦA I.KANT

Chuyên ngành: Triết học
Mã số: 60.22.80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2011

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Đặng Hữu Toàn.

Phản biện 1: PGS. TS Nguyễn Quang Hưng.

Phản biện 2: PGS. TS Nguyễn Đình Tường.

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận thạc sĩ họp tại: Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

16h30' ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Triết học cổ điển Đức là một giai đoạn phát triển rực rỡ trong lịch sử tư tưởng nhân loại, gắn với nhiều triết gia vĩ đại như Kant, Hêghen, Phoiobắc... Thành tựu quan trọng nhất của nó là xây dựng được phép biện chứng với tư cách là lý luận phát triển, nhận thức và logic. Trên phương diện đó, Kant được tôn vinh là người sáng lập nền triết học cổ điển Đức với đóng góp vĩ đại – thành tựu đã đi lịch sử sự hình thành và phát triển phép biện chứng với tư cách sự công phá quyết liệt đối với quan điểm siêu hình cả trong triết học lẫn khoa học chính là tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của ông.

Tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant được thể hiện tập trung, sâu sắc trong “Phê phán lý tính thuần túy”, cùng với “Phê phán lý tính thực hành” và “Phê phán năng lực phán đoán” đã đem lại tiếng vang, sức ảnh hưởng lớn cho triết học Kant thời kỳ Phê phán.

Ngay từ khi tác phẩm xuất hiện, tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của ông đã phải đối mặt với đối với sự phát triển tư tưởng triết học nhân loại là không thể phủ nhận. Đó thực sự trở thành một trong những nguồn gốc dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng sau này.

Hêghen đã chỉ ra tất cả những hạn chế trong triết học Kant: chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa tâm lý, tính hai mặt, không triệt để.

Từ lập trường duy vật Phoiobắc đã phê phán sai lầm của Kant trong vấn đề nguồn gốc của cái siêu nghiệm, trong sự phân biệt siêu hình giữa cảm năng và giác tính.

Ở Liên Xô, triết học Kant và những tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của ông được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Ở nước ta, nghiên cứu triết học Kant đã có nhiều tác giả nghiên cứu. Về phương diện lịch sử người đề cập đến triết học Kant sớm nhất là GS. Trần Đức Thảo trong tác phẩm: “Lịch sử tư tưởng trước Marx”. Ở đây, GS. Trần

Đức Thảo đã trình bày lần lượt các vòng luận của phép biện chứng siêu nghiệm theo kết cấu của tác phẩm “Phê phán lý tính thuần túy”.

Trần Thái Đình trong cuốn “Triết học Kant” đã nêu lên một cách khá toàn diện các vấn đề trong triết học Kant. Riêng đối với triết học lý luận, tác giả cũng đưa ra các luận giải khá sâu sắc.

Năm 1996, Nhà xuất bản Khoa học xã hội cho ra mắt bạn đọc cuốn “Triết học Immanuel Kant” của PGS. TS Nguyễn Văn Huyền. Trong cuốn sách này tác giả đã trình bày những nét tổng quát về triết học nhận thức và triết học thực tiễn của Kant.

Năm 1997, Viện Triết học đã biên soạn và xuất bản cuốn sách: “I. Kant – người sáng lập nền triết học cổ điển Đức”. Công trình tập hợp 29 bài viết của 14 tác giả nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau của triết học Kant. Trong đó các tác giả đánh giá cao công lao của Kant trong việc đặt ra phép biện chứng siêu nghiệm, khẳng định tính tích cực, năng động của chủ thể nhận thức.

Tại Hội thảo khoa học: “Triết học cổ điển Đức: nhận thức luận và đạo đức học” (do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, tháng 12 năm 2004), đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu về nhận thức luận của Kant. Những nghiên cứu theo nhiều hướng khác nhau nhưng đều thừa nhận công lao to lớn của Kant trong lĩnh vực nhận thức luận, đặc biệt là tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của ông với rất nhiều vấn đề đến nay còn nhiều ý kiến trái ngược nhau và có tính gợi mở nhiều điều.

Trong cuốn sách “Học thuyết phạm trù trong triết học I. Kant” (2007), TS. Lê Công Sự đã cho rằng “luận điểm xuất phát hay thực chất bước ngoặt mà Kant muốn thực hiện không phải là cái gì khác ngoài chủ nghĩa duy tâm siêu nghiệm”. [48, tr 45]. Nguyên nhân dẫn tới điều đó bởi vì

Kant đã không hiểu được ý nghĩa và vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức nói chung.

Năm 2004, PGS. TS Đặng Hữu Toàn với bài nghiên cứu: “Phép biện chứng siêu nghiệm của I. Kant - học thuyết về lý tính con người” (trích trong Tạp chí Khoa học xã hội số 5, tr 35 - 45) đã phân tích khá đầy đủ, sâu sắc về phép biện chứng siêu nghiệm của Kant. Tác giả đã khẳng định: “Lý tính với tư cách là khả năng trí tuệ cao nhất của con người được I. Kant xác định là đối tượng nghiên cứu của phép biện chứng siêu nghiệm” [53, tr 37], luận giải về các Antinomi của lý tính con người, đánh giá những giá trị và hạn chế trong phép biện chứng siêu nghiệm của Kant.

Những công trình nghiên cứu riêng về phép biện chứng siêu nghiệm của Kant chưa thực sự nhiều và còn có khá nhiều quan điểm khác nhau. Do đó, phép biện chứng siêu nghiệm của Kant vẫn luôn là đối tượng nghiên cứu, luôn là vấn đề có ý nghĩa lý luận có tính thời sự cấp bách trong việc khẳng định tính khoa học, bản chất cách mạng của phép biện chứng duy vật do C. Mác và Ph. Ăngghen và V. I. Lênin sáng lập.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích: Phân tích tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant được thể hiện qua các dạng suy luận biện chứng trong “Phê phán lý tính thuần túy” để trên cơ sở đó, bước đầu chỉ ra giá trị và hạn chế của nó.

Nhiệm vụ:

- Chỉ ra và phân tích những điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant trong “Phê phán lý tính thuần túy”.
- Phân tích tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant được thể hiện qua các dạng suy luận biện chứng trong “Phê phán lý tính thuần túy”.
- Bước đầu nhận xét về những giá trị và hạn chế trong tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của I. Kant.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant.
- Phạm vi nghiên cứu: tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant trong “Phê phán lý tính thuần túy”.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên quan điểm của triết học Mác – Lênin về triết học như một hình thái ý thức xã hội. Đồng thời luận văn dựa trên những nghiên cứu của các nhà kinh điển Mác – Lênin về lịch sử triết học nói chung, về triết học I. Kant nói riêng; các sách, bài nghiên cứu của các tác giả nghiên cứu về triết học cổ điển Đức, triết học Kant như những chỉ dẫn quý báu về mặt phương pháp luận.

Luận văn sử dụng các phương pháp: phân tích và so sánh, phân tích tổng hợp, kết hợp lôgic và lịch sử, diễn dịch, quy nạp...

6. Đóng góp của đề tài

Trên cơ sở phân tích một số tư tưởng biện chứng của Kant trong “Phê phán lý tính thuần túy”

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn đáp ứng phần nào yêu cầu nghiên cứu ngày một tăng đối với triết học I. Kant ở nước ta; có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc học tập lịch sử triết học.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 2 chương, 6 tiết.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG SIÊU NGHIỆM CỦA I. KANT

1.1. Điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội và tiền đề khoa học, lý luận cho sự hình thành tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của I.Kant

a. Điều kiện kinh tế - xã hội

Triết học Kant ra đời trong điều kiện nước Đức hết sức phức tạp với những mâu thuẫn chồng chéo, gay gắt không thể dung hòa. Có thể khái quát bức tranh toàn cảnh của xã hội Đức đương thời thật u ám, đen tối. Trước thực tại xã hội đương thời, tầng lớp trí thức Đức đã xuất hiện tình trạng bi quan, bất mãn và bất lực. Điều đó thể hiện khá rõ mâu thuẫn giữa tính cách mạng về triết học với sự bảo thủ, cải lương về lập trường chính trị.

b. Tiền đề khoa học tự nhiên

Hệ thống triết học của Kant chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phát triển vượt bậc của khoa học tự nhiên. Sự phát triển của khoa học tự nhiên được mở đầu bởi các nhà thông thái Hy Lạp như Talet, Pitago, Ôclit, Acsimet với các khám phá thiên tài về lĩnh vực toán học, thiên văn học, vật lý học. Kant tin rằng những định lý, siêu đề toán học cũng giống như các khái niệm, phạm trù triết học là những điều có sẵn trong giác tính của con người. Kant trượt sang con đường của chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm.

Các phát minh của các nhà khoa học: Niuton (Anh), Đêcátô (Pháp), Lepnit (Đức) đã đưa toán học vận dụng vào sản xuất và đời sống xã hội, đối tượng của toán học vượt ra khỏi dạng tĩnh, vươn sang dạng động, Lômônôxốp, Lavoarê, Đanton... như những đòn đánh mạnh vào siêu hình học thế kỷ XVII – XVIII, đóng một hồi chuông báo hiệu cho ngày tận số của siêu hình học cũ – mở đầu cho kỷ nguyên của phép biện chứng.

c. Tiền đề lý luận

Kant phát triển triết học của ông như là kết quả của quá trình tiếp thu và phê phán nhiều trào lưu triết học trong quá khứ và đương thời. Tư tưởng biện chứng có nguồn gốc lịch sử từ học thuyết của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại. Qua Kant khuynh hướng tư duy của Anh và Pháp đã được chuyển tải vào nước Đức. Những bậc tiền bối của triết học cổ điển Đức là nhà triết học – toán học Pháp R. Descartes, nhà vật lý học Anh Niuton, nhà triết học duy vật Hà Lan B. Spinoza, các nhà triết học khoa học Đức như: G.V. Lépni, C.Vônphơ, những nhà khai sáng Đức G.F. Lépni, G.V. Götter... Các học thuyết của họ chứa đựng những tư tưởng biện chứng sâu sắc được Kant nghiên cứu, kế thừa và phát triển.

1.2. Mấy nét về cuộc đời và sự nghiệp của I.Kant

Kant *“được những người say mê triết học đánh giá là khuôn mặt kiệt xuất nhất nổi lên trong địa hạt này kể từ sau những triết gia Hy Lạp cổ đại”*[4, tr 164], là người sáng lập ra nền triết học cổ điển Đức.

Khái quát cuộc đời: I. Kant sinh ngày 22.4.1724 trong một gia đình thợ thủ công không mấy giàu có, gốc Scotland tại Königsberg – một thành phố nhỏ thuộc vùng đông bắc nước Phổ, nay là Kaliningrad nước Đức. Sau khi tốt nghiệp trung học, vào mùa thu năm 1740, (lúc 16 tuổi) từ dự định học văn học cổ điển, Kant đã chuyển sang học triết học, tại trường Đại học tổng hợp Königsberg dưới ảnh hưởng của một giáo sư danh tiếng là Martin Knutzen. Năm 1746, Kant tốt nghiệp đại học vào loại xuất sắc với luận văn: *“Những suy nghĩ về sự đánh giá đúng đắn của lực sống”*. Sau khi tốt nghiệp đại học, Kant phải làm gia sư cho các gia đình quý tộc ở ngoại ô 10 năm. Năm 1755, sau 10 năm chuẩn bị, Kant bảo vệ thành công ba luận án tiến sĩ, sau đó ông nhận được danh hiệu Phó giáo sư của Trường đại học tổng hợp Königsberg. Và nhờ những tác phẩm độc đáo của mình ông đã có một vị trí đặc biệt trong triết học, trong đổi mới tư duy triết học. Năm 1797, Kant về nghỉ hưu, ông trút hơi thở cuối cùng vào ngày 12 tháng 2 năm 1804.

Triết học của Kant chia làm hai thời kỳ:

Thời kỳ tiền phê phán (1745 - 1769) Kant chủ yếu nghiên cứu các vấn đề toán học, cơ học, thiên văn học.

Thời kỳ phê phán (1770 - 1804), Kant đề ra nhiệm vụ cho triết học của mình là phê phán hệ thống siêu hình học cũ, đặt ngược lại một số vấn đề mà môn khoa học này tưởng như đã giải quyết xong. Trong hệ thống triết học phê phán của Kant tư tưởng biện chứng siêu nghiệm là một thành tựu vô cùng quan trọng.

1.3. Về tác phẩm “Phê phán lý tính thuần túy”

Triết học Phê phán của Kant tập trung chủ yếu trong ba tác phẩm chính: 1) Phê phán lý tính thuần túy, 2) Phê phán lý tính thực hành, 3) Phê phán năng lực phán đoán với mục đích muốn xây dựng một hệ thống triết học mới. Trong đó “Phê phán lý tính thuần túy” được coi là đặt nền móng cho toàn bộ tòa nhà triết học Phê phán của Kant. Về hình thức ta thấy trọng điểm của Phê phán lý tính thuần túy nằm trong triết học lý thuyết, nhưng mục đích của lý tính lại hướng tới con người.

Phép biện chứng siêu nghiệm có thể coi là một trong những thành công tạo nên tiếng vang, sức sống lâu bền và mãnh liệt của “Phê phán lý tính thuần túy”. Kant trình bày phép biện chứng này trong phần hai của Logic học siêu nghiệm.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG SIÊU NGHIỆM CỦA

I. KANT TRONG “PHÊ PHÁN LÝ TÍNH THUẦN TÚY”

2.1. Xuất phát điểm tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của I.Kant trong “Phê phán lý tính thuần túy”

Lý tính với tư cách là khả năng trí tuệ cao nhất của con người được Kant xác định là đối tượng nghiên cứu của phép biện chứng siêu nghiệm và ông đặt ra cho hệ thống của mình nhiệm vụ là phải xây dựng nó. Tất cả đều phải đứng trước sự phán xét của tòa án lý tính. Ông xác lập khá rõ ràng phương thức tư duy mang tính chủ thể.

Khởi điểm phép biện chứng của Kant hoàn toàn mới so với các bậc tiền bối: Kant bắt đầu từ tư tưởng thiên tài về tính tích cực của ý thức là cái tạo ra nguyên lý trung tâm của chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức. Kant giả định ý thức bao gồm: Hình thức trực quan cảm tính siêu nghiệm (không gian và thời gian) và các hình thức lý trí siêu nghiệm (các phạm trù. Ông thực hiện một cuộc cách mạng Cópécnic là giới tự nhiên phải tuân theo các quan niệm của con người về nó chứ không phải ngược lại.

2.2. Các dạng suy luận (suy lý) biện chứng siêu nghiệm của I. Kant

2.2.1. Suy luận biện chứng paralogism (Ngộ biện siêu nghiệm).

Ảo tưởng đầu siêu mà lý tính phạm phải là tưởng rằng có thể dùng tư duy đơn thuần, tức thuần lý và không dựa vào kinh nghiệm, để có nhận thức vững chắc, đáng tin cậy về bản ngã hay linh hồn.

Suy luận biện chứng là một sai lầm logic mà Kant đã chỉ ra trong quá trình suy lý sai về hình thức, do vậy người ta đã chuyển một cách vô lý các tính quy định thuần túy logic của chủ thể vào linh hồn với tư cách vật tự nó. Suy luận biện chứng của tâm lý học thuần

lý theo Kant sinh ra phản đề giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy linh, chủ nghĩa duy vật không có khả năng lý giải bản chất của linh hồn với tư cách là chủ thể biết tư duy, trong khi chủ nghĩa duy linh chỉ xác nhận tồn tại kinh nghiệm của linh hồn. Và khi giải quyết vấn đề này Kant đã chọn khước từ lý giải vấn đề bản chất của linh hồn “tự nó”, Kant đã lựa chọn bất khả tri luận.

Với phê phán của Kant ông cho thấy vấn đề đã bị đặt sai, thậm chí là vấn đề giả, trừ khi ta biết đặt vấn đề theo chiều hướng khác hẳn, như là định đề của lý tính thực hành.

2.2.2. Suy luận biện chứng Antinomi (Antinomi của lý tính thuần túy hay luật tương phản).

Lý tính con người khát vọng xâm nhập vào lĩnh vực “vật tự nó” để đạt tới tri thức tuyệt đối đã làm nảy sinh ra những antinomi (mâu thuẫn), do khả năng con người không cho phép làm được việc đó. Các antinomi này, theo Kant, là những mâu thuẫn không thể khắc phục được có cơ sở trong chính bản chất của lý tính.

Kant đưa ra 4 Antinomi đối lập giữa các nhà duy tâm theo quan điểm quyết định luận thần học và các nhà duy vật theo quan điểm vô định luận duy vật. Mỗi antinomi được cấu tạo từ 2 luận đề đối lập nhau.

Hai antinomi đầu được gọi là hai antinomi toán học:

Nghịch lý I

- Chính đề: “Thế giới có điểm khởi đầu trong thời gian và cũng bị giới hạn trong không gian” [17, 760].

- Phản đề: “Thế giới không có điểm khởi đầu và không có giới hạn trong không gian nhưng là vô tận về thời gian lẫn không gian” [17, 762].

Nghịch lý II

- Chính đề: “Bất cứ bản thể nào trong thế giới đều được cấu tạo từ các đơn tố và không có gì tồn tại mà bản thân không phải là đơn tố hay là tập hợp của các đơn tố” [17, 769].

- Phản đề: “Không sự vật đa hợp nào trong thế giới được cấu tạo từ các đơn tố và không thể tồn tại bất kỳ đơn tố nào trong thế giới” [17, 771].

Chính đề lẫn phản đề trong hai nghịch lý đầu tiên đều đặt sai vấn đề. Đối với thế giới “vật tự nó” nằm ngoài không gian và thời gian thì các vật tính “giới hạn”, “điểm khởi đầu”, “đơn giản”, “phức tạp” đều không thể áp dụng. Vì thế, trong các antinomi toán học, bản thân vấn đề không có ý nghĩa.

Tiếp theo là hai antinomi năng động:

Nghịch lý III

- Chính đề: “...cần thiết phải thừa nhận một nguyên nhân tự do để giải thích trọn vẹn các hiện tượng” [17, 778].

- Phản đề: “Không có tự do, trái lại mọi sự vật xảy ra trong thế giới đều chỉ tuân theo các định luật của tự nhiên” [17, 780].

Nghịch lý IV:

- Chính đề: “Có một Hữu thể tuyệt đối tất yếu thuộc về thế giới, làm nguyên nhân cho nó” [17, 786].

- Phản đề: “Không có một Hữu thể nào tuyệt đối tất yếu dù ở trong hay ở ngoài thế giới như là nguyên nhân của nó” [17, 788].

Thế giới ở đây được hiểu theo các nghĩa khác nhau: thế giới hiện tượng và thế giới vật tự nó nên cả hai mặt đối lập đều đúng hoặc đều sai trong những mối quan hệ khác nhau. Đúng ở thế giới hiện tượng thì lại sai ở lĩnh vực vật tự nó và ngược lại. “Chìa khóa” để giải quyết nghịch lý này cũng chính là sự phân biệt giữa hiện tượng và vật tự nó để đi tới kết luận: không thể nhận thức về tự do như điều

tượng hiện thực mà chỉ có thể suy tưởng về nó; hữu thể tuyệt đối không thể tồn tại như một đối tượng hiện thực.

2.2.3. Suy luận biện chứng ideal (Lý tưởng của lý tính thuần túy).

Kant tiếp tục đào sâu những mâu thuẫn mới của lý tính. Ông dừng cảm đi vào phê phán môn học từng được xem là đỉnh cao của triết học và siêu hình học truyền thống (Tây phương): đó là Thần học với chủ đề cũng được xem là tối cao và tối hậu của tri thức con người: Hữu thể tối cao là Thượng đế.

Khi đi giải quyết vấn đề Thượng đế tồn tại hay không tồn tại, làm cho các triết gia chia thành 2 phái: Vô thần và Hữu thần.

Sai lầm nghiêm trọng nơi luận cứ này là từ khái niệm về Hữu thể tuyệt đối tất yếu lại rút ra khái niệm về hữu thể có toàn bộ tính thực tại để kết luận về sự tồn tại của Thượng đế.

Kant không phủ nhận Thượng đế nhưng muốn đặt vấn đề kiểu khác, vì ông cho rằng việc chứng minh sự tồn tại hay sự không tồn tại của Thượng đế đều là “giáo điều”, “bất khả thi” và phải chuyển vấn đề từ lý tính thuần túy tư biện sang cho lý tính thuần túy thực hành. Chỉ trong lĩnh vực sinh hoạt đạo đức, Thượng đế mới có lý do tồn tại. Thể hiện phê phán tôn giáo nhưng đồng thời cũng là khước từ khả năng tồn tại của chủ nghĩa vô thần khoa học.

2.3. Mấy nhận xét bước đầu về giá trị và hạn chế trong tư tưởng biện chứng của I. Kant.

Phép biện chứng của I.Kant có những đóng góp tích cực cho lý luận và thực tiễn:

- Ông ý thức rất rõ địa vị năng động của chủ thể nhận thức trong việc xây dựng và thực hiện mối quan hệ nhận thức giữa chủ thể và khách thể.

- “Antinomie” mà ông đưa ra, về thực chất, đã tiếp cận được bản chất biện chứng của hoạt động nhận thức nhân loại và quy luật biện chứng của lý tính nhân loại.

- I.Kant đã mang lại cho chúng ta một nội dung và ý nghĩa mới mẻ về phương pháp. Nhận thức của con người luôn phải vươn tới hoàn thiện hơn, đầy đủ hơn, vì quá trình nhận thức đó không bao giờ là kết thúc.

- Điều quan trọng hơn là “biện chứng pháp siêu nghiệm” của I. Kant có ý nghĩa tích cực về mặt thực hành:

- Kant đã đặt ra những vấn đề triết học mang tính thời sự: tính tích cực của chủ thể nhận thức, thể hiện sự quan tâm của triết học đối với con người với tư cách là chủ thể nhận thức, các cấp độ của nhận thức, khả năng, giới hạn của lý tính con người, những mâu thuẫn trong quá trình nhận thức của con người,... mà triết học hiện đại vẫn luôn tiếp tục nghiên cứu, tiếp cận từ các hướng khác nhau.

Hạn chế:

- Kant dao động giữa chủ nghĩa vật và chủ nghĩa duy tâm, thuyết duy lý và thuyết kinh nghiệm, thuyết khả tri và bất khả tri, biện chứng và siêu hình, thuyết chủ thể và khách thể. Quan điểm của Kant là quan điểm nhị nguyên luận giữa vật tự nó và hiện tượng, tự nhiên và tự do, cái hiện tồn và cái tất yếu. Tình trạng này phản ánh tính chất yếu đuối và không triệt để trong triết học của giai cấp tư sản Đức.

- Cuối cùng ông vẫn không thoát ra khỏi hạn chế của phương thức tư duy siêu hình khi chỉ lý giải phép biện chứng trên ý nghĩa tiêu cực của nó, đem quan điểm năng lực lý tính hạn chế ra để giải quyết mâu thuẫn biện chứng trong nhận thức.

- Những mâu thuẫn của lý tính và cách giải quyết các mâu thuẫn chưa thật đúng và triệt để mới chỉ thừa nhận mâu thuẫn trong lý tính, trong khi mâu thuẫn tồn tại trong cả hiện thực khách quan.

KẾT LUẬN

I. Kant đã cách chúng ta hai thế kỷ, nhưng học thuyết của ông đặc biệt là triết học về luân lý về giá trị vẫn còn nguyên những giá trị thời sự. Ra đời trong hoàn cảnh nước Đức trì trệ về kinh tế và chính trị, triết học Kant đã kế thừa và tiếp thu những tinh hoa tư tưởng của nhân loại, mở ra một giai đoạn phát triển đầy rực rỡ của triết học cổ điển Đức nói riêng, của triết học thế giới nói chung. Triết học Kant thực sự là những mầm mống cho sự phát triển triết học sau này, là ngọn nguồn cho nhiều trào lưu chính của thời đại. Tư tưởng biện chứng siêu nghiệm được Kant thể hiện trong tác phẩm “Phê phán lý tính thuần túy” thực sự là một đóng góp hết sức lớn lao và vĩ đại với sự phát triển quan niệm biện chứng. Quan niệm về tâm lý học thuần lý, lý tính thuần túy và đặc biệt là các Antinomi của vũ trụ học thuần lý đã thể hiện sự khám phá đối với những vấn đề thiết yếu, quan trọng mà triết học vẫn quan tâm: Linh hồn, thế giới, thượng đế. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định nhưng tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant có một vai trò lịch sử nhất định trong lịch sử hình thành và phát triển phép biện chứng duy vật lịch sử. Đó là học thuyết hết sức độc đáo về lý tính con người. Kant đã thực hiện một cuộc đảo lộn cực kỳ ngoạn mục, phê phán siêu hình học cũ, thay vào đó là coi chính lý tính của con người mới là đối tượng nghiên cứu đích thực của triết học. Kant đã trả lại giá trị đích thực cho triết học - triết học vì chính con người chứ không phải thứ triết học để nguy biện cho tôn giáo như thời gian trước đó. Nghiên cứu tư tưởng biện chứng siêu nghiệm của Kant luôn là vấn đề có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thời sự cấp bách trong việc làm rõ và khẳng định tính khoa học, bản chất cách mạng của phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền, Đặng Hữu Toàn (đồng chủ biên, 1997), *I. Kant - người sáng lập nền triết học cổ điển Đức*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Văn Chung (2004), *Thực chất “cái siêu việt” của lý tính trong lý luận nhận thức của I.Kant và tư tưởng của ông về một nền triết học khoa học*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 94 – 119.
3. Quang Chiến (chủ biên, 2000), *Chân dung triết gia Đức*, Viện triết học - Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.
4. Bryan Magee (2003), *Câu chuyện triết học*, (Dịch: Huỳnh Phan Anh – Mai Sơn; Hiệu đính: Phạm Viêm Phương) Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Bùi Đăng Duy (2004), *Immanuel Kant và nền triết học hiện đại ở phương Tây*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 146 – 154.
7. Trần Thái Đình (1974), *Triết học Kant*, Nxb Văn mới, Sài Gòn.
8. Lưu Phóng Đồng (1994) *Triết học phương Tây hiện đại*, gồm 4 tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Forrest E. Baird (2006), *Tuyển tập danh tác triết học từ Platon đến Derrida*, Nxb Văn hóa Thông tin.

10. Ted Honderich (2001), *Hành trình cùng triết học*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

11. Nguyễn Vũ Hào (2004), *Tư tưởng của Kant về sự thống nhất của lý luận nhận thức, đạo đức học trong nhân học*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học cổ điển Đức - nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr 67 - 76.

12. Nguyễn Vũ Hào, Đỗ Minh Hợp (2009), *Giáo trình triết học phương Tây hiện đại* (Tập bài giảng).

13. Đỗ Minh Hợp (1994), *Vai trò của triết học Kant đối với sự phát triển của triết học*, Tạp chí Triết học, (số 4), tr.19.

14. Đỗ Minh Hợp (1996), “Vấn đề tính chủ quan trong triết học phương Tây hiện đại”, Tạp chí Triết học, (Số 1), tr.29.

15. Tô Duy Hợp (2004), *Nạn đề và hóa giải nạn đề từ hướng tiếp cận toàn thể của I. Kant đến toàn thể luận đương đại*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 210 – 223.

16. Nguyễn Văn Huyền (1996), *Triết học Imanuin Kant*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Immanuel Kant (2004), *Phê phán lý tính thuần túy* (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải), Nxb Văn học.

18. Âu Dương Khang (2006), *Phương thức tư duy chủ thể tính của I.Kant về những gọi mở của nó đối với đương đại*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và*

đạo đức học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 45 – 69.

19. Đỗ Văn Khang (2004), *Immanuel Kant và nhận thức luận hiện đại*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 264 – 270.

20. Phạm Minh Lăng (1996), *Cái siêu nghiệm trong triết học Kant*, Tạp chí triết học, (Số 2), tr.53.

21. V. I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Tiên bộ, Mátxcova.

22. V. I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiên bộ, Mátxcova.

23. *Lịch sử triết học* (1991), gồm 3 tập, Nxb Tư tưởng - Văn hóa, Hà Nội.

24. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

25. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

26. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

27. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

28. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

29. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

30. Lê Hữu Nghĩ (1987), *Lịch sử và lôgic*, Nxb Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
31. Nguyễn Thế Nghĩ (1994), *Vấn đề tự do và tất yếu trong triết học Kant*, Tạp chí Triết học, (Số 4), tr.7.
32. Nguyễn Thế Nghĩ (2004), *Triết học I. Kant dưới nhãn quan các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác*, Tạp chí Khoa học Xã hội, (Số 5), tr.29.
33. Lê Tôn Nghiêm (2000), *Lịch sử triết học phương Tây* (gồm 3 tập), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
34. Lê Tôn Nghiêm (2007), *Đâu là căn nguyên tư tưởng hay con đường triết lý từ Kant đến Heidegger*, Nxb Văn học.
35. Hữu Ngọc (1991), *Hai cực của tư tưởng Pháp: Descartes và Pascal*, Tạp chí Triết học, (số 2), tr.69.
36. Hữu Ngọc (1997), *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
37. *Những phạm trù của phép biện chứng duy vật* (1960), Nxb Sự thật, Hà Nội.
38. *Những luận thuyết nổi tiếng thế giới* (1999), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999.
39. Trần Văn Phòng (2004), *Lý luận nhận thức của I. Kant thời kỳ “phê phán” - Giá trị và hạn chế*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức - nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 271 – 280.
40. Đặng Phùng Quân (1972), *Triết học Aristote*, Sài Gòn.
41. Rodentan M. M (1958), *Bàn về phạm trù của phép biện chứng duy vật*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

42. Rodentan (chủ biên, 1985), *Từ điển Triết học*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

43. Septulin A. P (1988), *Phương pháp nhận thức biện chứng*, Nxb. Sách giáo khoa Mác – Lênin, Hà Nội.

44. Samul Enoch Stumpf và Donald C. Abel (2003), *Nhập môn triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

45. Nguyễn Văn Sanh (2003), *Vấn đề tự ý thức trong lịch sử triết học phương Tây* (luận án tiến sỹ triết học), Hà Nội.

46. Lê Công Sự (1996), *Quan niệm về vật tự nó của Kant và sự đánh giá của một số nhà triết học tiêu biểu về quan niệm đó*, Tạp chí Triết học, (Số 1), tr. 42.

47. Lê Công Sự (2006), *Triết học cổ điển Đức*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

48. Lê Công Sự (2007), *Học thuyết phạm trù trong triết học I. Kant*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

49. Dương Văn Thịnh (2004), *Quan niệm của Kant về bản chất và giới hạn của nhận thức*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 334 – 343.

50. Trần Đức Thảo (1995), *Lịch sử tư tưởng trước Marx*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

51. Nguyễn Gia Thơ (2004), *Vấn đề kinh nghiệm*, “quy nạp” và bản chất của tri thức khoa học trong triết học I. Kant. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức – nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 219 – 299.

52. Đặng Hữu Toàn (1997), *Phép biện chứng siêu nghiệm trong triết học Kant*. Trong: *I. Kant - người sáng lập nền triết học Cổ điển Đức*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 39 - 48.

53. Đặng Hữu Toàn (2004), *Phép biện chứng siêu nghiệm của Kant – học thuyết về lý tính con người*, Tạp chí Khoa học Xã hội, (số 5), tr. 35.

54. Đặng Hữu Toàn (2004), *Siêu hình học siêu nghiệm của I. Kant - “bước ngoặt Cópécnic” trong lịch sử triết học*, Tạp chí Khoa học Xã hội, (số 12), tr.29.

55. Đặng Hữu Toàn (2004), *Quan niệm của I. Kant về vị trí và vai trò của “Lý tính thực tiễn”*, Tạp chí Triết học, (số 5), tr.22.

56. Nguyễn Anh Tuấn (2005), *Logic học siêu nghiệm của I. Kant*, Tạp chí Triết học, (số 5), tr.44.

57. Nguyễn Đình Tường (2000), *Sự phê phán của Hêghen đối với thuyết không thể biết của Kant*, Tạp chí Triết học, (số 6), tr.48.

58. Vũ Văn Viên (1997), *Học thuyết về “antinomia” và “lôgic siêu nghiệm” của Kant*. Trong *I. Kant - người sáng lập nền triết học Cổ điển Đức*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.49.

59. Vũ Văn Viên (2004), *Quan niệm của Kant về bản chất của nhận thức và ý nghĩa của nó*. Trong: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Triết học Cổ điển Đức - nhận thức luận và đạo đức học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr. 395 – 403.

60. Viện Triết học, Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô (1998), *Lịch sử phép biện chứng, tập III– Phép biện chứng Cổ điển Đức*, (Dịch và hiệu đính: Đỗ Minh Hợp), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

61. Nguyễn Hữu Vui (1998), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

II. PHẦN TIẾNG ANH

62. Ameriks (1996), *Reinhold and the short argument to Idealism*, Proceedings of the Sixth International Kant Congress, Vol II/2, edited by G. Funke and T.M seebohm, Washington DC: Center for Advanced Research in Phenomenology and University Press of America.

63. Henry E. Allison (1996), *Idealism and Freedom*, Cambridge University Press.

64. Karl Ameriks (2000), *The Cambridge Companion to German Idealism*, Cambridge University Press.

65. Robert Audi, General Editor (1996), *The Cambridge Dictionary of Philosophy*, Cambridge University Press.